

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: B/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC10+RP2	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
2		TC1+P4+P7	7:25	3+18+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
3		RP2+PPD	7:25	8+14	0+0		3+19	0+0	
4		BK16+RP3+TD2	9:25	4+18+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
5		BK8+P2	9:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
6		BK5+P2+BK10	9:25	8+14+0	0+0+0		6+13+2	0+0+0	
7		BK6+PPD+P8	11:25	6+11+3	0+0+0		4+9+7	0+0+0	
8		CTC1+RP2+RC10	11:25	9+13+0	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
9		RC3+RCDM	13:25	19+3	0+0		19+3	0+0	

TTBDSX 10. PPD 23/4/30 Cáp các buồng NVIC5 ngày xuất đưa

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày RC10-3ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: RC10 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cương -	ETA: 09:20
XANH-1		QTrưởng	

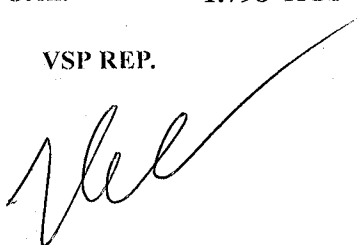
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH TRUNG KIẾN	RC10					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HOÀN	RC10					80	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU VĂN	RC10					74	D-HANH	Vietnamese
4	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	17-18	2	11		90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	14	1	8	15	60	KH-THAC	Vietnamese
6	VÕ TUẤN ANH	RC10	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO XUÂN THỌ	RC10	15	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	VŨ MẠNH HÀ	RP2	09	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP2	10	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	RP2	11	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	14	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN SÁCH ĐÓN	RP2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	13	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	07	1	5	80	60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN NINH	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	04	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO VIỆT HAI	RP2	09	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ TUẤN ANH	RP2	05	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VŨ TIẾN THANH	RP2	12	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HÙNG	RP2	01	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	7	5	29	509	15	3		
2	RP2	15	14	82	1.083	80	19		
TOTAL		22	19	111	1.592	95	22		
WEIGHT KG				111	1.592	95			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

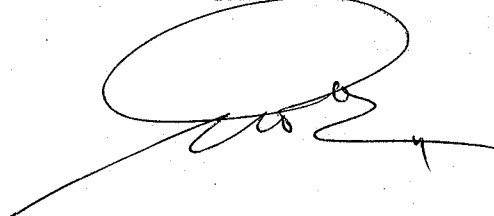
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: TTC1 - P4 - P7	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH ĐỨC	TTC1	96-97	2	17		97	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨ	TTC1	90	1	14	72	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	TTC1	91-92	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ HUY	P4	03	1	4	30	70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	76	1	2		70	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHÚC	P4	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC DUY	P4	72	1	4		60	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN MẠNH	P4					57	KHI	Vietnamese
9	ZAGUDAEV VITALL	P4	75	1	5		77	KHI	Russian
10	LÊ VĂN HOÀN	P4	71	1	3		69	KHI	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	05	1	4		77	KHI	Vietnamese
12	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	06	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	02	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	LÊ QUANG VINH	P4	04	1	7		69	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HỮU THỌ	P4	82	1	7		65	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRÚC	P4	74	1	4		70	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	73	1	3		64	KHI	Vietnamese
18	TẠ TRUNG DUNG	P4	78	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH QUÊ	P4	77	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG HỒNG HẢI	P4	79-80	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HỒNG TRUNG	P4	69	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	3	5	46	222	72	0		
2	P4	18	18	93	1.278	30	16		
3	P7	0	0	0	0	55	6		
TOTAL		21	23	139	1.500	157	22		
WEIGHT KG				139	1.500	157			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: RP2 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIET HUNG	RP2	51	1	10	20	90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG THANH	RP2	57	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TUNG	RP2	56	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HAI SANG	RP2	54	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG QUOC MAI	RP2	53	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO VAN TUAN	RP2	55	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CHI CUONG	RP2	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG XUAN KHOA	RP2	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	PPD	38	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	TRAN SON TOAN	PPD	41	1	3		75	KHI	Vietnamese
11	VO VAN QUYEN	PPD	37	1	2		69	KHI	Vietnamese
12	VU VAN TRIEU	PPD	34	1	7		78	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN DUC LAM	PPD	35	1	3		75	KHI	Vietnamese
14	NGO SY THANH	PPD	36	1	3		90	KHI	Vietnamese
15	TRINH VAN CUONG	PPD	29	1	6		65	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MINH VIEN	PPD	39-40	2	12		75	KHI	Vietnamese
17	OKOVANTSEV G	PPD	42	1	10		120	KHI	Russian
18	ĐO VAN TUAN	PPD	43	1	3		70	KHI	Vietnamese
19	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	33	1	4		79	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN CONG HIEN	PPD	32	1	4		55	KHI	Vietnamese
21	BUI NGOC HUONG	PPD	31	1	7		65	KHI	Vietnamese
22	LE TRUNG LAN	PPD	30	1	2		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

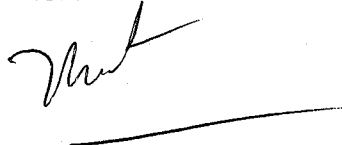
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	8	8	51	547	20	3		
2	PPD	14	15	71	1.076	0	19		
TOTAL		22	23	122	1.623	20	22		
WEIGHT KG				122	1.623	20			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: BK16 - RP3 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

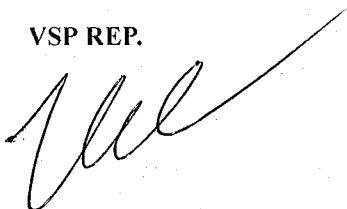
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LONG	BK16	74	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO HOANG NAM	BK16	75	1	15	35	77	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRI NANG	BK16	76	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NHAN	BK16	77-78	2	10		75	NPI	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG CUONG	RP3	86	1	5		86	D-HANH	Vietnamese
6	DOAN TRUNG DUC	RP3	87-88	2	6		68	D-HANH	Vietnamese
7	KHARITONOV YURY	RP3	82	1	5		75	KHI	Russian
8	PHAM NGOC HUNG	RP3	800	1	7		84	KHI	Vietnamese
9	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	91-92	2	18		65	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN KY	RP3	90	1	7		65	KHI	Vietnamese
11	PHAM QUOC KHANH	RP3	99	1	3		82	KHI	Vietnamese
12	LE XUAN VIET	RP3	96	1	8		78	KHI	Vietnamese
13	HOANG VAN HAI	RP3	95	1	8		63	KHI	Vietnamese
14	VO DON LONG	RP3	93-94	2	18		72	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG NAM	RP3	97-98	2	16		65	KHI	Vietnamese
16	DUBOV ALEKSANDR	RP3	83	1	8		94	KH-THAC	Russian
17	VU VIET HUAN	RP3	85	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	01-02	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	RP3	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG SINH	RP3	81	1	8		70	DVL	Vietnamese
21	PHAN VINH TRUONG	RP3	84	1	12		70	DVL	Vietnamese
22	PHAM VAN SANG	RP3	79-80	2	15		68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

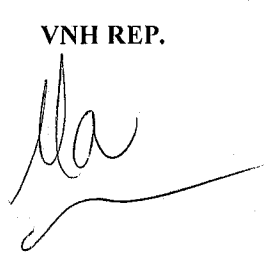
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	5	45	297	35	0		
2	RP3	18	24	178	1.325	0	21		
3	TD2	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		22	29	223	1.622	55	22		
WEIGHT KG				223	1.622	55			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: BK8 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường -	ETA: 11:40
XANH-2		QTrưởng	

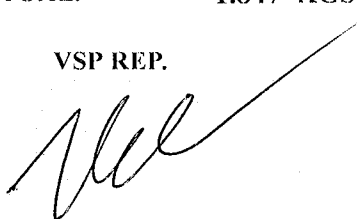
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG CẨM	BK8	59	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TÌNH	BK8	64-65	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ĐỨC LINH	BK8	63	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TÂN	BK8	58	1	7	60	80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HÙNG CUỒNG	BK8	61-62	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG AN	BK8	69	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THỊNH	BK8	60	1	7		63	PSV	Vietnamese
8	LƯU VĂN CHIẾN	P2	31-32	2	13		70	YTE	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	30	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHẮC QUỐC	P2	25	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MAU SƠN	P2	20	1	4		69	PSV	Vietnamese
12	LÊ NGỌC HÙNG	P2	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P2	35-36	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	26	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	P2	37	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	21	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2					78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐỒNG	P2	24	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỞNG AN	P2	28	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	27	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ SY VANG	P2	29	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	7	9	62	505	60	6		
2	P2	15	16	103	1.077	40	16		
TOTAL		22	25	165	1.582	100	22		
WEIGHT KG				165	1.582	100			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

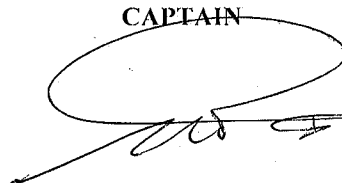
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: BK5 - P2 - BK10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	05	1	7	40	82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	01	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUANG DUY	BK5	03	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐỨC	BK5	09	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TIỆP	BK5	07-08	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TRI	BK5	04	1	9	77	70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH BÌNH	BK5	06	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	02	1	4		59	PSV	Vietnamese
9	HO HUY QUYNH	P2				20	65	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	25	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HIỀN	P2	01	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TÂN QUÂN	P2	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN MINH XANH	P2	21	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TỬ	P2	16-17	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC THẮNG	P2	18-19	2	8		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	26	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VĂN SƠN	P2	23	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN NAM	P2	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUY TRUNG	P2	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUY	P2	14	1	7		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	9	73	566	117	6		
2	P2	14	14	79	975	20	13		
3	BK10	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	152	1.541	137	21		
WEIGHT KG				152	1.541	137			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: BK6 - PPD - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Linh - M.Đức - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

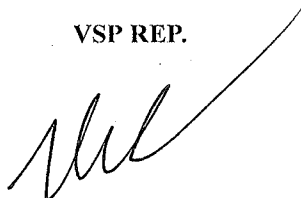
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIỀN DŨNG	BK6	22-23	2	14	25	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HAI	BK6	24-25	2	10	20	73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	19	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỮU TUẤN	BK6	21	1	5		58	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HIỆP	BK6	16-18	3	20		83	CODIEN	Vietnamese
6	PHAN TRỌNG MINH	BK6	20	1	3		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	26	1	4		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	25	1	7		75	KHI	Vietnamese
9	TRƯƠNG HAI HÀ	PPD	19-20	2	8		70	KHI	Vietnamese
10	LÊ THANH TRUNG	PPD	24	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	28	1	5		55	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	23	1	6		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	27	1	5		71	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					85	KHI	Vietnamese
15	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	21	1	7		61	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	22	1	7		76	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	18	1	6		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG MINH	P8	41	1	8	183	65	CODIEN	Vietnamese
19	VƯƠNG QUỐC VIỆT	P8	48	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TUYẾN	P8	42-43	2	20		60	MT CORP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

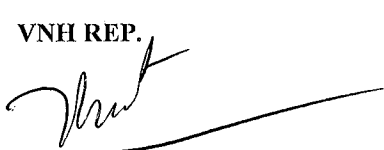
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	6	10	59	421	45	4		THAO 1 GHE DOI DE CHO HANG
2	PPD	11	11	58	773	0	9		
3	P8	3	4	36	190	183	7		
TOTAL		20	25	153	1.384	228	20		
WEIGHT KG				153	1.384	228			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2024	TO: CTC1 - RP2 - RC10	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Vũ	ETA: 14:05
CAM-3			

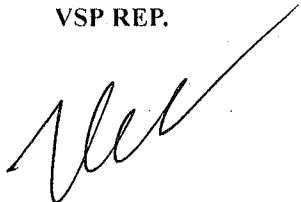
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	89	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	94	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG HOANG ANH	CTC1	93	1	6	25	87	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THÈ MẠNH	CTC1	88	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	90	1	5	36	64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	91	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN LÊ	CTC1	85-86	2	20		66	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN HUỆ	CTC1	87	1	5		55	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	92	1	8		78	PSV	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN QUÂN	RP2	64-65	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	66	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VĂN TUÂN	RP2	62	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	67	1	10	25	66	YTE	Vietnamese
14	CAO KINH THAO	RP2	60-61	2	20		70	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RP2	75	1	10	13	79	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LANG	RP2	72-73	2	20		62	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ VĂN LỘC	RP2	74	1	10		65	T-TIN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	68	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	TRẦN MINH HUNG	RP2	71	1	8		86	PSV	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	69	1	10		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	63	1	6		66	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CUÔNG	RP2	70	1	7		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	9	10	63	614	61	8		
2	RP2	13	16	129	898	38	10		
3	RC10	0	0	0	0	3	4		
TOTAL		22	26	192	1.512	102	22		
WEIGHT KG				192	1.512	102			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Lưu trữ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2024	TO: RC3 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Linh - M.Đức - THU	ETA: 16:20
DO-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN VŨ	RC3	22	1	13		62	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	20	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN DŨNG	RC3	21	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	23	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN Y	RC3	24	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUANG LỢI	RC3	25	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRƯỞNG CHÍNH	RC3	31	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN PHI LONG	RC3	29-30	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HAI	RC3	15	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN SẮC	RC3	18-19	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN SĨ HẢI	RC3	16	1	12		51	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGOC NAM	RC3	26	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO QUỐC HÙNG	RC3	10-11	2	21		61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RC3	17	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HUY CHUÔNG	RC3	12-13	2	16	16	75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RC3	09	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUNG	RC3	14	1	10		72	PSV	Vietnamese
19	PHẠM MINH TUÂN	RC3	32	1	7		62	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG HOAN	RCDM	61-62	2	18	10	87	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐUNG	RCDM	63	1	16		58	DVL	Vietnamese
22	LƯƠNG MINH KHUÊ	RCDM	60,66	2	17		57	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	19	22	197	1.278	16	19		
2	RCDM	3	5	51	202	10	3		
TOTAL		22	27	248	1.480	26	22		
WEIGHT KG				248	1.480	26			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Linh VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 23:35
FLIGHT: CAP CƯU	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Vũ	ETA: 13:05

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE MANH	PPD					75	Y TE	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUU	PPD				100	70	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	2	0	0	145	100	3		THAO 4 GHE DOI DE CHO CANG VSP
TOTAL		2	0	0	145	100	3		
WEIGHT KG				0	145	100			

GRAND TOAL: 245 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN